

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (*Chiến lược phát triển giáo dục*). Nâng cao nhận thức, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trọng điểm gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục, quyết tâm đạt và vượt các mục tiêu đề ra.

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tạo chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo chủ trương của Đảng.

2. Yêu cầu

Bám sát các quan điểm, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ, giải pháp tại Chiến lược phát triển giáo dục; đồng thời hệ thống hóa đầy đủ và đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong các chỉ đạo tại các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chương trình, kế hoạch liên quan tới phát triển giáo dục, đào tạo.

Đảm bảo phân công thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi; rõ yêu cầu kết quả và tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ; phát huy tính chủ động gắn với phân cấp, phân quyền; đảm bảo rõ vai trò của đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp trong việc triển khai thực hiện Chiến lược giáo dục trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển Ngành giáo dục và đào tạo Kon Tum tiên tiến, hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện con người Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp và các tiến bộ mới nhất của khoa học và công nghệ; chú

trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời. Nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững. Phân đầu đến năm 2030, chất lượng giáo dục Kon Tum giữ mức khá trong khu vực Miền trung Tây nguyên và đến năm 2045, giáo dục và đào tạo Kon Tum đạt trình độ tiên tiến.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phân đầu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ (dân tộc thiểu số đạt 25%) và 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.

Phân đầu có 99,5% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, 100 giáo viên được bồi dưỡng chương trình giáo dục mầm non mới.

Phân đầu tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục đạt 30%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 35%.

Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có trên 65% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

b) Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc kết quả tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phân đầu tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở đạt 97%. Tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 95%.

Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phân đầu hình thành 01 cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt trên 1500 học sinh.

Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có trên 80% trường tiểu học, trên 75% trường trung học cơ sở và trên 65% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

c) Giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp

Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 260, tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 33%. Số sinh viên dân tộc thiểu số học cao đẳng, đại học trên 01 vạn dân là người dân tộc thiểu số đạt từ 200-250 sinh viên. Khuyến khích thu hút sinh viên các nước trong khu vực tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; Tỷ trọng sinh viên tham học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 35%. Thu hút 45-50% học sinh trung học vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động khoảng 50%. Số lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 50%.

d) Giáo dục thường xuyên

Phân đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,15%; trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 98,85%. Duy trì và giữ vững kết quả tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Triển khai có hiệu quả mô hình học tập trên địa bàn tỉnh; có ít nhất 50% xã, phường được công nhận danh hiệu xã, phường học tập; phân đầu tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập. Khuyến khích các cơ sở giáo dục, các đơn vị hành chính tham gia vào Mạng lưới học tập toàn cầu của UNESCO vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng cường công tác truyền thông về mục đích yêu cầu và các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo

Tập trung quán triệt, truyền thông, tuyên truyền có hiệu quả các quan điểm chỉ đạo Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã được ban hành¹. Trong đó tập trung quán triệt các quan điểm sau: (1) Phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò động lực then chốt để phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển, cần được ưu tiên đi trước trong

¹ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị trung ương 8 khóa XI; Kế hoạch số 182-KH/TU ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"; Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị "về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông"; Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", Kế hoạch số 3101/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

các chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn lực khác, tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia, đóng góp cho phát triển giáo dục. (2) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất, đặc biệt là năng lực đổi mới và sáng tạo của người học. Thực hiện tốt nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội. (3) Giáo dục và đào tạo là vì con người và hạnh phúc của con người, phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực và nguồn lực của sự phát triển, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. (4) Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập và học thường xuyên, học suốt đời. Phát triển giáo dục bảo đảm cân đối về số lượng, chất lượng; hợp lý về cơ cấu trình độ, ngành nghề. (5) Chủ động hội nhập quốc tế và tiếp thu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để hiện đại hóa giáo dục.

Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu rộng và hiệu quả hơn về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung đổi mới giáo dục và đào tạo, trước hết là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đội ngũ nhà giáo nhằm tạo sự đồng bộ, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện. Đồng thời, đổi mới công tác thông tin, truyền thông về các kết quả, thành tựu của công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, qua đó, tạo sự thống nhất về nhận thức, sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát, phản biện của toàn xã hội.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện thường xuyên.

2. Hoàn thiện thể chế và nâng hiệu quả triển khai các chính sách pháp luật về giáo dục và đào tạo

Tập trung triển khai đồng bộ các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo, nhất là kịp thời triển khai các quy định mới, các nội dung sửa đổi, bổ sung như: các cơ chế chính sách thu hút đầu tư cho giáo dục và đào tạo; các chính sách về tuyển dụng, sử dụng quản lý viên chức, nhà giáo; các chính sách khuyến khích việc học tập liên thông, học tập suốt đời...

Triển khai kịp thời và có hiệu quả chính sách đối với học sinh cơ sở giáo dục và các chính sách đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số; có chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại cơ sở giáo dục chuyên biệt.

Rà soát, kiến nghị cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền địa phương nhằm tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo, quản trị nhà trường theo

hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn địa phương.

Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách đặc thù của địa phương nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh nhất là chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan và các địa phương triển khai thực hiện thường xuyên.

3. Tập trung đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn địa phương từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp đến giáo dục đại học; kịp thời ban hành theo thẩm quyền các quy định về tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, nhất là triển khai thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Kịp thời kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp theo quy định hiện hành; tăng cường năng lực thực thi gắn với phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn địa phương; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội.

Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng. Phấn đấu đến năm 2030 đạt 70% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì triển khai, tham mưu; các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện.

4. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Đến năm 2030: Tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số đến tuổi đi học được đến trường học đạt 100%. Tiếp tục triển khai kịp thời, đầy đủ chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người; chính sách cho sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, người học là người dân tộc thiểu số rất ít người; triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu đô thị.

Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị “*về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông*”, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1875/UBND-KGVX ngày 31 tháng 5 năm 2024 về thực hiện hiện Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân. Phát triển sâu rộng phong trào bình dân học vụ và bình dân học vụ số. Đến năm 2030, tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 98,85%. Ban hành các chương trình, tài liệu học tập cụ thể hóa chương trình xóa mù chữ, phát huy các trung tâm học tập cộng đồng trong công tác củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ và không mù chữ trở lại.

Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Phát triển các tài liệu, học liệu số và triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số hiệu quả. Phân đầu đến 2030: trên 70% trẻ em dân tộc thiểu số trong các cơ sở GDMN được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ; 100% trẻ em dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt và 100% trẻ em dân tộc thiểu số mẫu giáo 5 tuổi được tăng cường Tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập. Phấn đấu đến 2030: tỷ lệ trẻ mầm non khuyết tật học hòa nhập trong các cơ sở giáo dục đạt 70%, riêng trẻ 5 tuổi đạt 100%; Huy động trẻ khuyết tật trong độ tuổi tiểu học ra lớp trên 80%; 100% công trình xây mới của các cơ sở giáo dục đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (*có lối đi cho xe lăn*).

Củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí và tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện, tham mưu; các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện.

5. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời của người dân

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Tăng cường rà soát, sắp xếp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông gắn với bổ sung trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu huy động hiệu quả học sinh ra lớp, triển khai phổ cập cho trẻ mẫu giáo và tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ... Thực hiện hiệu quả lớp học linh hoạt, lớp ghép. Phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Khuyến khích và tạo điều kiện, phấn đấu đến năm 2030, hình thành 01 trường phổ thông ngoài công lập. Quan tâm đầu tư cho giáo dục chất lượng cao; tham mưu sửa đổi, bổ sung chính sách đặc thù cho Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành.

Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

6. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chính trị, tư tưởng cho học sinh, sinh viên. Trong đó, tổ chức triển khai hiệu quả chương trình giáo dục mầm non mới với nội dung và phương pháp tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn; từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi; quản lý chặt chẽ các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nhất là các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Đổi mới chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông. Triển khai có hiệu quả công tác giáo dục đặc thù trong các trường có đông học sinh dân tộc thiểu số.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục. Nghiên cứu xây dựng khung kỹ năng bồi dưỡng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng, an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh triển khai xây dựng văn hoá học đường, quan tâm giáo dục cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng cống hiến phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. 100% cơ sở GDMN thực hiện triển khai chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2030 và các năm tiếp

theo. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động xã hội.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Từng bước cập nhật các phương thức đánh giá tiên tiến của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ giáo dục nghề nghiệp. Tham gia hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học đáp ứng yêu cầu hội nhập; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng và triển khai Đề án Ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn mới.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

7. Tập trung đầu tư hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”, Kế hoạch số 3101/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tiếp tục phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, gắn với thị trường lao động, chú trọng cả số lượng, cơ cấu, chất lượng đào tạo, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo có ý chí, khát vọng lập thân, lập nghiệp và có thể lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; quan tâm công tác đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động để thích ứng với sự thay đổi của nhu cầu thị trường và công nghệ sản xuất. Phấn đấu đến năm 2030 đạt 70% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm. Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh thiếu niên ngay từ cấp học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số lượng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn

hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp và khát vọng khởi nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo. Phân đầu đến 2030 thu hút 45-50% học sinh trung học vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Tổ chức rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét quy định về mô hình tổ chức trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên phù hợp. Các địa phương ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong phạm vi quản lý. Tập trung đầu tư chiều sâu, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở một số ngành, nghề, lĩnh vực nhằm tạo đột phá, chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; chú trọng các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn và lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Quan tâm đầu tư, phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới. Phân đầu đến 2030, tỷ trọng sinh viên tham gia học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 35%.

Xây dựng chương trình đào tạo, rà soát bổ sung các chương trình đào tạo hiện hành theo hướng khuyến khích lồng ghép nội dung về tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp vào chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Khuyến khích tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số. Phân đầu đến 2030, số sinh viên đạt từ 200-260/vạn dân, trong đó, số sinh viên người dân tộc thiểu số (*cao đẳng, đại học*) đạt 200 sinh viên/vạn dân; Tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt 33%.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện.

8. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ là lực lượng then chốt đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, chú trọng năng lực quản lý, quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, các kỹ năng mềm, kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực Tiếng Anh cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế trên địa bàn; rà soát, điều động, luân chuyển số giáo viên hiện có, giải quyết triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; tuyển dụng đúng, đủ, kịp thời số chỉ tiêu biên chế giáo viên được giao, có giải pháp hiệu quả đối với những nơi còn thiếu giáo viên, bảo

đảm nguyên tắc “có học sinh phải có giáo viên đứng lớp”. Bố trí đảm bảo kinh phí để hợp đồng viên chức theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ². Đổi mới công tác bố trí sử dụng, đánh giá, đội ngũ gắn với phát huy dân chủ, tôn trọng tự do sáng tạo, chuyên môn học thuật, đề cao đạo đức, trách nhiệm của nhà giáo. Triển khai có hiệu quả công tác dạy học liên trường, liên cấp gắn với dạy học trực tuyến nhằm giải quyết thừa thiếu cục bộ và nâng cao chất lượng vùng khó khăn.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với nhà giáo theo quy định hiện hành, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến, chú trọng triển khai chính sách trọng dụng nhân tài làm việc trong ngành Giáo dục. Ban hành và triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, thu hút giáo viên công tác và gắn bó lâu dài tại địa phương, nhất là ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Triển khai có hiệu quả các chính sách đào tạo giáo viên theo chế độ cử tuyển và đào tạo sinh viên theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ nhằm chủ động khắc phục tình trạng giáo viên thiếu ổn định và thiếu nguồn tuyển ở một số bộ môn.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Chú trọng bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao năng lực đội ngũ, đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đào tạo nâng chuẩn và trên chuẩn đối với đội ngũ nhà giáo; đào tạo văn bằng hai, đáp ứng yêu cầu sử dụng hiệu quả đội ngũ. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ giáo viên các cấp được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt từ loại khá trở lên trên 95%. Đến năm 2030, 100% giáo viên mầm non và phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục. 100% giáo viên công tác tại vùng dân tộc thiểu số được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số phù hợp. Tỷ lệ đào tạo sau đại học cho giáo viên người dân tộc thiểu số đạt tỉ lệ 0,7%³.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Trường Cao đẳng Kon Tum, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; các địa phương, Sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện.

9. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Bảo đảm ngân sách Nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước như Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đề ra. Đồng thời, kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo phù

² Về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

³ Kế hoạch số 1794/KH-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030.

hợp với tăng trưởng của nền kinh tế. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi và thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm trong lĩnh vực giáo dục; ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra. Tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập.

Triển khai chương trình đầu tư kiên cố hoá trường học, xoá phòng học tạm, xây dựng trường chuẩn quốc gia và bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới, phấn đấu đến năm 2030 tỉ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%. Đến năm 2030, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cấp Mầm non đạt trên 65%, cấp Tiểu học đạt trên 80%, cấp Trung học cơ sở đạt trên 75%, cấp Trung học phổ thông đạt trên 65%.

Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo trên tinh thần Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham gia hiệu quả của toàn xã hội vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo; triển khai đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập. Cải thiện môi trường đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; rà soát, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục, tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục công lập và tư thục, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục. Phấn đấu đến 2030, thu hút ít nhất 01 cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở vùng thuận lợi, khu công nghiệp...

Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ người học từ ngân sách nhà nước thông qua cấp học bổng hoặc hỗ trợ miễn giảm học phí đối với các ngành, nghề Nhà nước cần ưu tiên phát triển ở các trình độ đào tạo, mở rộng đối tượng và nâng mức ưu đãi cho vay tín dụng. Triển khai có hiệu quả các chính sách và điều kiện đảm bảo giáo dục cho người học có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, đảm bảo triển khai sách giáo khoa, sách chữ nổi cho người khiếm thị; ưu tiên đảm bảo in, phát hành Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Kon Tum và tủ sách dùng chung cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh dân tộc thiểu số có điều kiện khó khăn.

Thực hiện: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng Kon Tum, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum và các địa phương triển khai thực hiện.

10. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tăng cường chuyển đổi số và hội nhập quốc tế trong giáo dục

Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình

chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục. Phân đầu đến 2030, 100% trường phổ thông có tổ chức học trực tuyến theo tỷ lệ quy định.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

Triển khai có hiệu quả Chương trình “*Hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế cho thanh thiếu nhi Việt Nam giai đoạn 2022 -2030*” trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁴. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học; nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên. Khuyến khích, tạo điều kiện tiếp cận các chương trình đào tạo nhân lực ở nước ngoài, các chương trình giáo dục tiên tiến.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn mới. Tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài ở Việt Nam.

Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các đơn vị, địa phương liên quan triển khai, tham mưu thực hiện.

(*Có Danh mục các Chương trình, Kế hoạch, Đề án kèm theo*)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

⁴ Theo Kế hoạch số 468/KH-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình “Hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế cho thanh thiếu nhi Việt Nam giai đoạn 2022 - 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị.

Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Định kỳ hằng năm (***trước ngày 20 tháng 12***) và đột xuất (*khi có yêu cầu*) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện; đồng thời tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ 5 năm, hằng năm; xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo phân cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu ưu tiên bố trí ngân sách cho nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước kế hoạch trung hạn và hằng năm để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành giáo dục và đào tạo; tổng hợp, công khai số liệu chi đầu tư cho giáo dục theo kế hoạch trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách Nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì đề xuất các chương trình, đề án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đối với ngành Giáo dục và Đào tạo.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan xây dựng, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định thúc đẩy các hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục, nhất là cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phương án phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục theo định mức quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan: Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành một số chính sách đặc thù cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên; có các chính sách ưu đãi và chế độ đãi ngộ khuyến khích nhà giáo, đồng thời thu hút những người có năng lực, trình độ cao, có tài năng vào đội ngũ nhà giáo; có chế độ hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ cho đội ngũ. Tham mưu bồi dưỡng, phát triển lực

lượng cán bộ quản lý giáo dục có tầm nhìn và năng lực thích ứng với các điều kiện thay đổi, tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

Chủ trì tham mưu công tác định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện tuyên truyền về giáo dục. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục và đào tạo.

6. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các các sở, ngành liên quan và các địa phương kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh để cải thiện, có kết quả rõ rệt trong việc nâng cao thể lực, sức khỏe của con người Việt Nam thế hệ mới.

7. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo các công trình được đầu tư xây dựng đúng theo chuẩn quy định. Tham mưu phê duyệt thiết kế mẫu bản vẽ thiết kế thi công và dự toán khối lượng phân thân các công trình trường học trên địa bàn tỉnh phù hợp với các vùng miền, địa phương.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của ngành giáo dục và đào tạo, trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất đảm bảo nhu cầu sử dụng quỹ đất cho ngành Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Luật Đất đai.

Chủ trì, phối hợp với các các sở, ngành liên quan ưu tiên nguồn lực tăng cường cho công tác phát triển giáo dục và đào tạo từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án, dự án khác liên quan đến giáo dục.

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Tuyên truyền và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể hóa vào Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

10. Các sở, ngành, đơn vị liên quan, Trường Cao đẳng Kon Tum, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các xã, phường (*theo định hướng sáp nhập*) ban hành kế hoạch triển khai trên địa bàn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo trong phạm vi quản lý; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách Nhà nước cho giáo

dục và đào tạo; phát triển đội cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên trong phạm vi quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển giáo dục.

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương theo phân cấp quản lý.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân về tiếp tục triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhất là giám sát, phản biện, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời thông tin, báo cáo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Nam tỉnh (p/h);
- Các tổ chức CTXH tỉnh (p/h);
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh (t/h);
- Phân hiệu ĐH Đà Nẵng tại Kon Tum (t/h);
- Trường Cao đẳng Kon Tum (t/h);
- UBND các huyện, thành phố (t/h);
- VP UBND tỉnh;
- + CVP, PCVP KGVX;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.THT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Kèm theo Kế hoạch số 1811 /KH-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	DANH MỤC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI/THỜI GIAN TRÌNH/ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	CẤP TRÌNH
1	Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”	Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 UBND tỉnh về Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”	Sở Tài chính	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 UBND tỉnh về Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”	UBND tỉnh
2	Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành công nghệ cao giai đoạn 2025-20235, định hướng đến năm 2045	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
3	Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh

4	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
5	Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026-2035	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
6	Đề án quốc gia từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển y tế học đường	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
7	Đề án phát triển y tế học đường	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
8	Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh

9	Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
10	Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân	Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ Tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “ <i>Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030</i> ”; Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị về “ <i>Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân</i> ”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
11	Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị về “ <i>Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2035</i> ”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 về thông qua Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến 2030; Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 05/8/2021; tham mưu điều chỉnh bổ sung khi “ <i>Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non,</i>	UBND tỉnh

					<i>giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2035" thuộc Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị đc ban hành phê duyệt</i>	
12	Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026-2030	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	UBND tỉnh
13	Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị về “ <i>Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030</i> ”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung khi “ <i>Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030</i> ” thuộc Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình	UBND tỉnh

					hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị đc ban hành phê duyệt. Tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi bổ sung khi Đề án được Trung ương ban hành.	
--	--	--	--	--	---	--

14	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị về "<i>Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo cho đồng bào Tây Nguyên</i>"	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 về thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày	UBND tỉnh
----	--	--	-------------------------------	--	--	------------------

					03/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung khi " <i>Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo cho đồng bào Tây Nguyên</i> " thuộc Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KH/TW của Bộ Chính trị để ban hành phê duyệt	
15	Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp	Nghị quyết 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ ban hành Chương trình	UBND tỉnh

16	Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2026-2030	Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 chiến lược phát triển giáo dục việt nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2045; Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến 2050; Nghị quyết 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị ”.Thông báo 177-TB/VPTW ngày 25/4/2025 kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các nghị quyết của Trung ương về giáo dục và đào tạo;	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, cơ quan liên quan	Sau khi Chính phủ ban hành Chương trình	UBND tỉnh
----	---	---	------------------------	---------------------------------	---	-----------